BẢN CÁ NHẬN TỰ KHAI TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG

**THƯ VIỆN VIÊN CHÍNH**

**Mã số: V.10.02.05**

**Họ tên:** ...................................................................................................................

**Chức vụ/chức danh công tác:** .............................................................................

**Đơn vị:**..................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần 1: Tiêu chuẩn điểm chuẩn** | **Cá nhân tự khai** | **Thẩm định** |
| 1 | Tốt nghiệp đại học chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan (nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp) trở lên. |  |  |
| 2 | - Bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc trung cấp lý luận chính trị - hành chính trở lên;  - Có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị. |  |  |
| 3 | - Trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đối với giảng viên ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.  - Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B cấp trước ngày 16-3-2014  - Vận dụng đủ điều kiện ngoại ngữ nếu Bằng Thạc sĩ tốt nghiệp từ 15/4/2011trở lại đây;  - Bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài;  - Bằng tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ chuyên ngành; |  |  |
| 4 | - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=03/2014/TT-BTTTT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.  - Chứng chỉ tin học văn phòng cấp trước ngày 28-4-2014 |  |  |
| 5 | - Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thư viện viên hạng II  - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính  - Bằng Cao cấp lý luận chính trị - hành chính  - Bằng Cử nhân hành chính trở lên.  - Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, phải có thêm chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội |  |  |
| 6 | Tham gia ít nhất 01 (một) đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp bộ hoặc chủ trì 02 (hai) đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên. |  |  |
| 7 | Được cơ quan sử dụng viên chức đánh giá có đủ năng lực về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của ngạch dự thi; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; trong 3 năm liên tục tính đến thời gian đăng ký dự thi được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật. |  |  |
| 8 | Thời gian công tác giữ chức danh thư viện viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu đủ 9 (chín) năm, trong đó, thời gian gần nhất giữ chức danh thư viện viên (hạng III) tối thiểu đủ 02 (hai) năm. (**Tính đến ngày 31/5/2020**) |  |  |
| **STT** | **Phần 2: Tiêu chuẩn điểm cộng** |  |  |
| 1 | Tiến sĩ chuyên ngành thư viện *(Tiến sĩ chuyên ngành khác được tính 4 điểm)* |  |  |
| 2 | Thạc sĩ chuyên ngành thư viện *(Thạc sĩ chuyên ngành khác được tính 3 điểm)* |  |  |
| 3 | Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 (khung Châu Âu) trở lên theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15-02-2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sỹ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT, ngày 07-5-2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn trong thời hạn 02 năm, do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ có uy tín trong nước, các trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp chứng chỉ (*được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận*). |  |  |
| 4 | Có bằng đại học thứ hai |  |  |
| 5 | Huân chương Lao động |  |  |
| 6 | Huy chương các loại |  |  |
| 7 | Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ |  |  |
| 8 | Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương |  |  |
| 9 | Chiến sĩ thi đua toàn quốc |  |  |
| 10 | Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh |  |  |
| 11 | Chiến sĩ thi đua cơ sở |  |  |
| 12 | Thời gian giữ chức danh thư viện viên hoặc tương đương từ 12 năm trở lên |  |  |
| 13 | Viên chức tính đến ngày 31-12 của năm xét thăng hạng có tuổi từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên với nữ. |  |  |

**Người thẩm định, kiểm tra Người khai**

*(ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên)*

**GHI CHÚ:**

Cá nhân chỉ điền vào cột **Cá nhân tự khai**, cách ghi như sau:

**- Phần 1:** Mục (1) Ghi rõ chuyên ngành: Cử nhân Thông tin thư viện, Cử nhân Luật, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện...

Mục (2) Ghi rõ: Bằng TCLLCT hay TCLLCT-HC hay Giấy xác nhận tương đương trung cấp lý luận chính trị

Mục (3), (4), (5) ghi rõ chứng chỉ (bằng) gì: Chứng chỉ Anh B, Chứng chỉ Tin học văn phòng...

Mục (6) ghi rõ số lượng: chủ trì 02 đề tài cấp cơ sở, tham gia 01 đề tài cấp bộ...

Mục (8) ghi rõ thời gian: 10 năm 2 tháng...

**- Phần 2:** Tiêu chí điểm cộng mục nào cá nhân có thì khai, không có thì không cần kê khai. Ví dụ: điểm cộng cá nhân chỉ có Huân chương Lao động và Chiến sĩ thi đua cơ sở, cách ghi như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần 2: Tiêu chuẩn điểm cộng** |  |  |
| 1 | Huân chương Lao động | Có |  |
| 2 | Chiến sĩ thi đua cơ sở | Có |  |

Riêng mục (1), (2) ghi rõ chuyên ngành: TS Luật, TS Kinh tế....

**- Phần thẩm định, kiểm tra:** Bỏ trống không ghi